

II. PHÙNG KHẮC KHOAN (1528 - 1613)

Phùng Khắc Khoan tự là Hoàng Phu, hiệu Nghị Trai, Mai Nham tử, người làng Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học, từ nhỏ Phùng Khắc Khoan đã nổi tiếng hiếu học, thông minh, ham mê văn thơ. Ông làm thơ từ khi tuổi đời còn rất trẻ.

Dù từng là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm nhưng Phùng Khắc Khoan không phò Mạc mà lại vào Thanh Hóa (1553) tham gia công cuộc trung hưng của nhà Lê. Sự nghiệp phò Lê giúp Trịnh của ông thông suốt, thành đạt, rất được Trịnh Kiểm khâm phục, tin dùng. Năm 1580, tham dự kỳ thi Hội do nhà Lê mở ở Vạn Lại (Thanh Hóa) ông đậu tiến sĩ. Sau khi thi đậu, được thăng Đô cấp sự, thời gian sau còn được giao gánh vác nhiều việc trọng đại khác, kể cả việc làm chánh sử sang nhà Minh. Do hoàn thành tốt sứ nghiệp, được thăng Tả thị lang bộ Lại, tước Mai Lĩnh hầu, rồi Thượng thư tước Mai quận công. Thời gian cuối đời ông về trí sĩ ở quê nhà.

Phùng Khắc Khoan là “một trí thức có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của văn học dân gian ngay ở địa phương mình. Qua một số truyện kể, lời ca và một số bản ghi chép ở địa phương, nhân dân thường chú ý đến Trạng Bùng (danh hiệu nhân dân địa phương đặt ra để gọi ông một cách tôn kính) về tài học, tài ứng đối khi đi sứ. Đặc biệt là ấn tượng sâu sắc và lòng biết ơn chân thành của nhân dân đối với Phùng Khắc Khoan về những đóng góp của ông cho sự phát triển nông nghiệp, thủy lợi, thủ công nghiệp và một số công trình văn hóa công cộng ở địa phương”⁽¹⁾

Tác phẩm văn học của Phùng Khắc Khoan gồm có: *Ngôn chí thi tập*, *Huấn đồng thi tập*, *Đa thức tập*, *Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập* tất cả đều là chữ Hán. Tác phẩm Nôm duy nhất của ông còn lại có tên là *Lâm tuyền văn*, một bài thơ lục bát dài.

* *

*

Thi ngôn chí là mục đích lớn trong sáng tác văn thơ của Phùng Khắc Khoan, đặc biệt là ở hai thi tập: *Ngôn chí thi tập* (bao gồm những bài thơ làm từ thuở thiếu thời cho đến cuối đời) và *Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập* (thơ đi sứ). Nói đến nội dung thơ ông là nói đến chí khí, nghị lực, lý tưởng làm người của một trí thức Nho học trong thời đại binh đao. Ý thức về mối quan hệ giữa “chí” và “ngôn”, trong bài đề tựa *Ngôn chí thi tập*, ông viết “Mà cái gọi là thơ thì không phải là lấu lữ trong tiếng sáo, chơi chữ dưới ngòi bút thối đầu, mà là để ngâm vịnh tính tình, cảm động mà phát ra chí ý nữa. Thế cho nên nếu chí mà ở đạo đức thì tất là phát ra lời lẽ hồn

⁽¹⁾ Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân... Văn học Việt Nam thế kỷ X nửa đầu thế kỷ XVIII. Sách đã dẫn. Trang 173 - 174

hậu, chí mà ở sự nghiệp thì tất là nhả ra khí phách hào hùng, chí ở rừng suối gò hang thì thích giọng thơ liêu tịch...”. Là một người sống có chí nguyện lớn, lạc quan, thơ Phùng Khắc Khoan khí vị, lời lẽ vừa “hồn hậu” vừa thể hiện một “khí phách hào hùng”. Trong bài thơ chữ Hán *Bệnh trung thư hoài (Trong khi bệnh viết tỏ nỗi lòng)* ông khẳng định con người bản lĩnh, lý tưởng trong ông:

Bình sinh chính trực hựu trung thành,

Tráng chí cao huyền nhật nguyệt minh.

(Ta bình sinh chính trực lại trung thành,

Chí khí lớn treo cao sánh tựa mặt trăng mặt trời)

Thơ là chí, đọc thơ Phùng Khắc Khoan các từ ngữ quen thuộc, được nhắc đi nhắc lại thường là: nam nhi, tráng khí, quốc sự, công danh, ngang tàng, bình sinh, trượng phu, đại trượng phu.v.v. Nhà thơ tự ví mình phơi phới như hoa mai “nở trước lúc xuân về” (*Trong lúc bệnh viết tỏ nỗi lòng*), như tùng bách hiên ngang trong giá rét, như kinh nghệ sao chịu lưu luyến vũng nước vừa chân trâu:

Tùng bách khởi kham hàng tuyết đóng,

Kinh nghệ na khảng luyến sầm đề.

Tự thuật - Thơ chữ Hán

(Tùng bách đâu há chịu đâu hàng tuyết lạnh

Kinh nghệ sao lại tiếc vũng chân trâu)

Tự thuật - Thơ chữ Hán

Ông tin tưởng với một niềm tin không lay chuyển rằng:

Tự cổ đại tài ưng đại dụng

Trượng phu khẳng dũ đế phù trầm

(Viễn ký hữu nhân - Thơ chữ Hán)

(Xưa nay tài lớn cần được dùng vào việc lớn

Trượng phu sao lại nỡ thụ động nổi chìm theo đời?)

(Từ xa gửi bạn - thơ chữ Hán)

Có chí lớn, Phùng Khắc Khoan cũng như các trí thức đương thời dù muốn hay không, để thực hiện hoài bão phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng. Nghĩa là phải học hành để trau dồi đạo đức, tri thức, phải thi cử, đỗ đạt. Nhận thức được điều đó, Phùng Khắc Khoan dù sống trong thời đại binh đao, loạn lạc vẫn kiên trì tích lũy kiến thức, mãi giữa chí khí. Ông tâm niệm:

Tự cổ khởi thân thanh tướng giả

Phúc trung toàn yếu hữu thi thư.

Tự thuật - Thơ chữ Hán

(Từ xưa những người làm nên khanh tướng

Toàn là những người trong bụng phải có thi, thư)

Tự thuật - Thơ chữ Hán

Mục đích việc học hành được ông nhận thức một cách rõ ràng: “Bình sinh sở học giả hà sự, Sở học tương suy sở dĩ hành” nghĩa là “Cái học ở trong cuộc đời là gì? Là cái học sẽ đem ra thi hành ở đời.” (Giải buồn - Thơ chữ Hán). Hiểu biết nhiều với Phùng Khắc Khoan càng khiến tâm hồn trong sáng, thông đạt, càng khiến người ta điều khiển được cuộc sống, số phận mình theo chiều hướng tích cực, không đắm vào dục vọng, tham lam tầm thường. Quả thực, ông là người ít tư tưởng danh lợi, nhân cách cao sang hiếm có. Ông như khuyên giải người đời khi viết:

Kiến đa tâm tự như tuyên đạt

Dục quả thân nhiên đạo xứ an

Nhân dục tính thời thiên lý hiện,

Hà tu tiết tiết lộc chi can.

Miễn học giả - Thơ chữ Hán

(Biết nhiều, lòng thông tựa suối chảy

Ham muốn ít, thân mình được thoải mái đến đâu cũng yên

Ham muốn người trầm lặng đi thì lý trời hiện ra

Cần gì phải bo bo cầu bổng lộc)

Khuyên người đi học - Thơ chữ

Hán

Thơ Phùng Khắc Khoan là thơ của một bậc trượng phu đạo cao đức trọng, chí khí lớn. Ông sống có lý tưởng, chính kiến và luôn lạc quan với niềm tin đã giúp đời, giúp nước với tất cả tâm nguyện. Ông tin rằng ông và nhiều người đương thời đang “đắc trời hành đạo” (*Ở nhà trọ, gặp mưa, chờ tạnh* - Thơ chữ Hán), ông “Mừng được hiển dương, cái chí bình sinh được thỏa. Vui vì được tin dùng, nhờ ơn thánh chúa” “Nam nhi đến mức đó thực là anh hào” (*Tám cảnh ở nhà học* - Thơ chữ Hán). Với Phùng Khắc Khoan làm một bậc trượng phu “sao để cho giàu sang mê hoặc”, càng không “phụ họa theo thời để có công danh”, suốt đời ông thờ vua, giúp nước “đốc hết một lòng trung” (*Trung* - Thơ chữ Hán). Sống giữa thời buổi nhiễu nhương, nhiều người lánh đục tìm trong nơi rừng rậm núi cao, còn Trạng Bùng thì tự hào vì đã nhập cuộc thành công:

Ngã thị quốc gia chân trụ thạch

Khu khu hà tất vấn nham quynh.

Thanh sơn viễn vọng - Thơ chữ Hán

(Ta quả là cột đá chống cho nước nhà,

Hà tất phải bo bo đi tìm hỏi nhà người ẩn ở vùng núi non)

Xa nhìn núi xanh - Thơ chữ Hán.

Chúng ta có thể đồng ý với quan điểm cho rằng “quan niệm hành đạo trong thơ văn Phùng Khắc Khoan tương đối nhất quán. Từ những bài thơ thuở thiếu thời đến những bài thơ thời văn niên, Phùng Khắc Khoan thường bày tỏ chí khí mong ra giúp đời khi thời thế cho phép, với tiết tháo và chí lớn. Tiết tháo và chí lớn ấy có nhiều sắc thái biểu hiện, nhưng tựu trung thì không ngoài việc giúp đời đổi loạn thành trị, biến nguy thành an, xây dựng lại kỷ cương, phục hồi lễ giáo”⁽¹⁾, và “Hoài bão lớn trong thơ văn Phùng Khắc Khoan thường gắn với thời cuộc, với vận mệnh của tổ quốc và nhân dân. Thơ Phùng Khắc Khoan không phải là loại thơ khô khan, đơn điệu, mặc dầu mang tính chất đạo lý, mặc dầu cái đạo mạo, cái mực thước của nhà Nho đôi khi đã làm mất đi cái phần tươi trẻ, phóng khoáng rất cần thiết trong thơ”⁽²⁾

Ngoài việc làm thơ để gửi chí, Phùng Khắc Khoan còn làm thơ để bày tỏ cảm xúc, suy tư trước thời thế, hiện thực đất nước. Hiện thực tác động đến tâm tư ông là gì, là đời loạn, là cảnh non sông tan tác, anh hùng tranh cướp nhau tán loạn, là tang tóc, chia lìa. Phùng Khắc Khoan đau lòng trước thời đại binh đao, trước cảnh “nồi da xáo thịt”, ông viết những dòng thơ buồn:

Tranh hùng cử thế mạn thao thao

Thùy thức ngô nho chí khí hào

Văn chiến bất sùng , đồ vũ chiến

Lực lao tỵ sinh hốt tâm lao

Loạn thế tỵ thán - Thơ chữ Hán

(Tranh hùng mọi nơi đều chan chát

Ai biết chí khí của nhà Nho ta hào hùng

Người ta không chuộng tranh nhau bằng văn chương mà

chuộng tranh nhau bằng chiến tranh

(1) .(2) Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân... Văn học Việt Nam thế kỷ X nửa đầu thế kỷ XVIII. Sách đã dẫn.

Trang 189 - 190

Chỉ sính “lực lao” mà xem nhẹ “tâm lao”)

Tự than đời loạn - Thơ chữ Hán

Tại sao con người lại sính “vũ chiến” chứ không phải là “văn chiến”, không ưa “tâm lao” mà chỉ thích “lực lao”? Đó là những câu hỏi chỉ có thể có được với những con người có tầm tư tưởng, tình cảm lớn như Phùng Khắc Khoan. Mỗi dòng thơ ông đề cập đến hiện thực chiến tranh là một nỗi đau, nỗi lo:

Can qua lạc lạc khổ lưu li,

Trường sử anh hùng mạn tự ti.

(Thương loạn - Thơ chữ Hán)

(Can qua đầy dẫy, dân khổ vì lưu lạc li tán,

Làm cho người anh hùng phải lo nghĩ triền miên.)

Thương đời loạn - Thơ chữ Hán

Trước thời loạn, Phùng Khắc Khoan nhiều khi cũng cảm thấy cô đơn, buồn. Ông buồn vì không còn ai nói đến chuyện Thi, Thư, sách vở, vì không có “thư sinh” tri kỷ:

Thế loạn anh hùng lạn mạn tranh

Thùy tương khả dĩ thuyết Nho sinh.

Khiển muộn - Thơ chữ Hán

(Đời loạn anh hùng tranh cướp nhau tán loạn,

Biết cùng ai nói chuyện thư sinh)

Giải buồn - Thơ chữ Hán

Nỗi niềm trước thời thế của Phùng Khắc Khoan cho ta thấy một khía cạnh tâm hồn, tình cảm sâu kín của ông. Với một con người “đắc thời”, lạc quan như ông, nỗi buồn, sự cô đơn đó dù chỉ thoáng qua cũng đủ cho chúng ta hiểu rằng ông là một trí thức có lương tri, một sĩ phu có trách nhiệm với đời. Theo ông Bùi Duy Tân “cần thấy rằng tính chất phản chiến trong một số bài thơ, ý thơ, ở một mức độ nhất định đã biểu hiện sự thông cảm của ông đối với nỗi đau khổ của nhân dân. Niềm thông cảm ấy xuất phát từ lòng nhân ái của nhà thơ, một lòng nhân ái giàu tinh thần nhân đạo mà trí thức yêu nước thời ấy đã tiếp thu được từ truyền thống nhân đạo chủ nghĩa cao cả của dân tộc”⁽¹⁾. Ta có thể chứng thực điều này qua một áng thơ tuy hiếm hoi nhưng không phải là lạ đối với một con người như Phùng Khắc Khoan, đó là bài *Lâm tuyền văn*. Bài văn gần 200 câu thơ dùng chuyên thể lục bát tương truyền được ông làm trong thời gian bị đày ở miền núi Nghệ An. Bài văn tuy cũng có gửi gắm chút tâm sự kín đáo của một con người đang trong hoàn cảnh bất như ý nhưng phần nội dung chủ yếu vẫn là việc đề cập đến những sản vật địa phương với hàng trăm loại rau, quả khác nhau. Với những lời chỉ bảo ân cần, cặn kẽ về cách nhận dạng, vun bón, chăm sóc các loại cây, ước mong của ông là:

Ngày nhiều vật lạ của tươi,

Che chở ngàn đời dân ấm, dân no.

Ông phổ biến cho dân kinh nghiệm trồng trọt, tận dụng đất đai:

Trồng dưa chớ để mùa qua,

Ngăn phen mắt cáo kéo gà đập kê.

Quanh vườn thả đậu sừng dê,

Mướt trâu dưa chuột bốn bề leo dong

Cà con chớ lộn cà ông

Vãi cái vãi vừng vãi cùng một nương.

Tương truyền Phùng Khắc Khoan là người đã đem các giống ngô, lạc, đậu, vừng từ Trung Quốc về cho dân ta trồng trọt. Đó là điều rất dễ hiểu với tác giả

⁽¹⁾ Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân... Văn học Việt Nam thế kỷ X nửa đầu thế kỷ XVIII. Sách đã dẫn. Trang 193